

Số: 448 /TB-LVS

Tân Bình, ngày 07 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2024- NĂM HỌC 2024-2025

Số ngày ăn: 16 ngày

Lớp	A.Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục			B.Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác				Tiền bảo hiểm y tế học sinh	Tổng cộng số tiền/1hs của tháng
				Các khoản thu cho cá nhân học sinh					
	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (tháng)	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) (năm)	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có) (tháng)	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (năm)	Học phẩm (năm)	Tiền suất ăn trưa bán trú (38.000đ/ngày)	Tiền nước uống (tháng)		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Một 1	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000		1.216.000
Một 2	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000		1.216.000
Một 3	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000		1.216.000
Một 4	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000		1.216.000
Một 5	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000		1.216.000
									-
Hai 1	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Hai 2	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Hai 3	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Hai 4	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Hai 5	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Hai 6	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
									-
Ba 1	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Ba 2	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Ba 3	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Ba 4	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Ba 5	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Ba 6	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
									-
Bốn 1	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Bốn 2	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Bốn 3	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Bốn 4	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Bốn 5	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Bốn 6	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
									-
Năm 1	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Năm 2	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Năm 3	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Năm 4	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520
Năm 5	290.000	28.000	30.000	200.000	40.000	608.000	20.000	884.520	2.100.520

GHI CHÚ: Phụ huynh vui lòng thanh toán trước ngày 22/10/2024

NGƯỜI LẬP BẢNG



Hồ Thị Trang



Nguyễn Thị Tân